

Bản án số:03/2020/HS-ST

Ngày: 18 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Thẩm phán: Ông Trịnh Minh Tụ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Văn Sel

Ông Quảng Thanh Tú

Ông Nguyễn Văn Chuẩn

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thị Hồng Nở, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/TLST - HS, ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST - QĐ ngày 06/02/2020 đối với bị cáo:

Trần Thị Loan C, sinh năm 1976, tại huyện C, tỉnh T; Nơi cư trú: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị H (đã chết); chồng tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/11/2018 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Loan C: Luật sư Trương Hoàng P, Văn phòng Luật sư Trương Hoàng P, thuộc đoàn luật sư tỉnh T bào chữa cho bị cáo theo chỉ định.(có mặt)

- Bị hại:

1/ Bà Bành Thị Nh, sinh năm 1968. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Bà Bùi Thị Hồng A, sinh năm 1982. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)

3/ Bà Bùi Thị Hồng T, sinh năm 1965. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- 4/ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 5/ Chị Bùi Thị Ph, sinh năm 1981. Địa chỉ: khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 6/ Bà Bùi Thị S, sinh năm 1961. Địa chỉ: khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 7/ Bà Châu Thị Ngọc B, sinh năm 1964. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 8/ Bà Đặng Thị Kim L, sinh năm 1975. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 9/ Bà Định Thị Hà M, sinh năm 1966. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 10/ Chị Đỗ Ngọc V, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 11/ Chị Đỗ Thị Ngọc Th, sinh năm 1982. Địa chỉ: khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 12/ Chị Đoàn Thị Nh, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp AB, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 13/ Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh V (vắng mặt)
- 14/ Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Th (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 15/ Ông Dương Tấn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 16/ Bà Dương Thị Thu H, sinh năm 1962. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 17/ Ông Hồ Phi H, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp Xuân Lộc, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)
- 18/ Ông Huỳnh Quốc Kh, sinh năm 1979. Địa chỉ: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 19/ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 20/ Bà Huỳnh Thị Mi, sinh năm 1945. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 21/ Bà Huỳnh Thị M1, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 22/ Chị Huỳnh Thúy D, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp 3, xã N, huyện V, tỉnh V (có mặt)
- 23/ Bà La Mỹ Ph, sinh năm 1974. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- 24/ Chị Lâm Thị Mỹ H, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 25/ Ông Lê Huy H, sinh năm 1955. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 26/ Bà Lê Ngọc Ph, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 27/ Bà Lê Thị C, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 28/ Bà Lê Thị D, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 29/ Chị Lê Thị Kim X, sinh năm 1986. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 30/ Bà Lê Thị L, sinh năm 1967. Địa chỉ: khóm G, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 31/ Bà Lê Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 32/ Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 33/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1953. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 34/ Bà Lê Thị V, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 35/ Bà Lý Thanh H, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 36/ Chị Mạch Thị Mỹ H, sinh năm 1983. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 37/ Bà Ngô Thị Bạch L, sinh năm 1970. Địa chỉ: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 38/ Chị Ngô Thị K, sinh năm 1984. Địa chỉ: khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 39/ Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 40/ Bà Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 41/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện V, tỉnh V (vắng mặt)
- 42/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 43/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979. Địa chỉ: khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

- 44/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 45/ Bà Nguyễn Thị Hi, sinh năm 1971. Địa chỉ: khóm G, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 46/ Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1970. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 47/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp 3, xã N, huyện V, tỉnh V (có mặt)
- 48/ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 49/ Bà Nguyễn Thị Kim Nh, sinh năm 1979. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 50/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 51/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 52/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 53/ Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1963. Địa chỉ: khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 54/ Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 55/ Bà Phạm Thị Bích Th, sinh năm 1973. Địa chỉ: khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 56/ Bà Phạm Thị Bích Tr, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp 8, xã M, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 57/ Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 58/ Bà Phạm Thị M, sinh năm 1964. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 59/ Chị Phan Thị Thúy H1, sinh năm 1983. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 60/ Ông Phan Văn Ch, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 61/ Chị Phùng Thị Huỳnh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)
- 62/ Bà Quách Ngọc A, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)
- 63/ Bà Quách Thị L1, sinh năm 1962. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)

64/ Bà Trần Thị A1, sinh năm 1963. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

65/ Bà Trần Thị B1, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp Số 3, xã M, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

66/ Bà Trần Thị Bé B2, sinh năm 1960. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

67/ Chị Trần Thị B3, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)

68/ Bà Trần Thị Cẩm L2, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp Số I, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)

69/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1959. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

70/ Bà Trần Thị Mỹ H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)

71/ Anh Trần Văn Bé H, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện V, tỉnh V (vắng mặt)

72/ Bà Triệu Thị Mỹ Ph1, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

73/ Bà Trương Thị M, sinh năm 1977. Địa chỉ: khóm G, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

74/ Bà Trương Thị Thu S, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T (có mặt)

75/ Ông Võ Ngọc M, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp Số 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)

76/ Bà Võ Thị Hồng S, sinh năm 1958. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

77/ Chị Võ Thị Hồng T, sinh năm 1982. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

78/ Bà Võ Thị L, sinh năm 1968. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)

79/ Bà Võ Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

80/ Bà Võ Thùy D, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp 5A, xã An Trường, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

81/ Ông Võ Văn N, sinh năm 1978. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

01/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)

02/ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (có mặt)

03/ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2003 bị cáo Trần Thị Loan C đứng ra làm đầu thảo hui để hưởng tiền huê hồng và tạo được uy tín với các hui viên nên có nhiều người trên địa bàn huyện C, tỉnh T tham gia. Năm 2014 có một số hui viên hốt hui nhưng không đóng tiền hui chết nên bị cáo phải vay tiền của người khác với lãi suất cao để choàng hui, đến năm 2017 để tiếp tục có tiền đóng lãi cho các khoản vay và tiêu xài cá nhân, bị cáo Loan C nảy sinh ý định gian dối mở thêm nhiều dây hui tháng có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng rồi đặt tên không vào dây hui để hốt hui, bán hui không và tự ý lấy tên hui viên hốt hui chiếm đoạt tiền. Ngày 03/6/2018 bị cáo không còn khả năng trả tiền hui cho các hui viên nên tuyên bố vỡ hui đến ngày 26/7/2018 bị cáo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện C tự thú về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại thời điểm bị cáo Loan C tuyên bố vỡ hui còn 16 dây hui chưa kết thúc, gồm có 06 dây hui 2.000.000 đồng và 10 dây hui 5.000.000 đồng được mở trong thời gian từ ngày 04/6/2017 đến ngày 03/6/2018.

Trong 16 dây hui chưa kết thúc, Cơ quan Cảnh sát điều tra chứng minh được bị cáo Trần Thị Loan C có thủ đoạn gian dối kê tên không, tự ý lấy tên của hui viên để hốt hui và bán hui không để chiếm đoạt tiền của các hui viên, cụ thể như sau:

* Đối với 06 dây hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui hui 01 lần (01 kỳ):

Ngày 10/8/2017 âm lịch (dương lịch ngày 29/9/2017) bị cáo Loan C mở 02 dây hui gồm:

1. Dây số 01: Bị cáo Loan C quy định 16 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “mợ mười Trắng” còn lại 15 phần của 14 người tham gia, đến khi vỡ hui đã được 10 kỳ khui hui. Phần tên không bị cáo Loan C chưa hốt mà tự ý lấy tên hui viên hốt 03 phần của “dì hai Nhẫn, mợ Tính, dì Phấn” được số tiền 80.880.000 đồng choàng các phần tự ý lấy tên hui viên hốt số tiền 3.120.000 đồng và choàng phần tên không số tiền 11.810.000 đồng còn lại số tiền 65.950.000 đồng bị cáo chiếm đoạt. Hui viên tham gia hốt 07 phần còn 08 phần hui sống với số tiền thực đóng 136.400.000 đồng.

2. Dây số 02: Bị cáo Loan C quy định 16 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “mợ mười Trắng” còn lại 15 phần của 15 người tham gia, đến khi vỡ hui đã được 10 kỳ khui hui. Phần tên không bị cáo Loan C chưa hốt mà tự ý lấy tên hui viên hốt 01 phần của “Cúc cá” được số tiền 28.600.000 đồng choàng phần tự ý lấy tên hui viên hốt số tiền 250.000 đồng và choàng phần tên không số tiền 15.270.000 đồng còn lại số tiền 13.080.000 đồng bị cáo chiếm đoạt. Hui viên tham gia hốt 09 phần còn 06 phần hui sống với số tiền thực đóng 102.420.000 đồng.

Ngày 20/11/2017 âm lịch (dương lịch ngày 06/01/2018) bị cáo Loan C mở 02 dây hụi gồm:

3. Dây số 01: Bị cáo Loan C quy định 16 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “dì Phần” còn lại 15 phần của 15 người tham gia, đến khi vỡ hụi đã được 06 kỳ khai hụi. Bị cáo Loan C gian dối hốt 04 phần chiếm đoạt tổng số tiền 93.650.000 đồng, trong đó: hốt 01 phần tên không được số tiền 22.400.000 đồng choàng phần tên không số tiền 2.000.000 đồng chiếm đoạt số tiền 20.400.000 đồng và tự ý lấy tên hụi viên hốt 03 phần của “mợ năm Thành, mợ mười Trắng, chị Ngọc Anh” được số tiền 74.060.000 đồng choàng các phần tự ý lấy tên hụi viên hốt số tiền 810.000 đồng chiếm đoạt số tiền 73.250.000 đồng. Hụi viên tham gia hốt 02 phần còn 13 phần hụi sống với số tiền thực đóng 134.810.000 đồng.

4. Dây số 02: Bị cáo Loan C quy định 16 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “mợ mười Trắng” còn lại 15 phần của 14 người tham gia, đến khi vỡ hụi đã được 06 kỳ khai hụi. Bị cáo Loan C hốt 01 phần tên không được số tiền 20.800.000 đồng choàng phần tên không số tiền 8.000.000 đồng chiếm đoạt số tiền 12.800.000 đồng, hụi viên tham gia hốt 05 phần còn 09 phần hụi sống với số tiền thực đóng 93.285.000 đồng.

Ngày 06/3/2018 âm lịch (dương lịch ngày 21/4/2018) bị cáo Loan C mở 02 dây hụi gồm:

5. Dây số 01: Bị cáo Loan C quy định 16 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “dì tư Hồng” còn lại 15 phần của 15 người tham gia, đến khi vỡ hụi đã được 03 kỳ khai hụi. Bị cáo Loan C hốt 01 phần tên không được số tiền 22.400.000 đồng choàng phần tên không số tiền 2.000.000 đồng chiếm đoạt số tiền 20.400.000 đồng, bị cáo hốt 01 phần của bị cáo tham gia thật và hụi viên hốt 01 phần còn 13 phần hụi sống với số tiền thực đóng 62.790.000 đồng.

6. Dây số 02: Bị cáo Loan C quy định 16 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “dì tư Hồng” còn lại 15 phần của 15 người tham gia, đến khi vỡ hụi đã được 03 kỳ khai hụi. Bị cáo Loan C gian dối hốt 03 phần chiếm đoạt tổng số tiền 72.600.000 đồng, trong đó: hốt 01 phần tên không chiếm đoạt số tiền 24.000.000 đồng và tự ý lấy tên hụi viên hốt 02 phần của “thím tư Bảo, Quân” chiếm đoạt số tiền 48.600.000 đồng. Hụi viên tham gia không có hốt hụi nên bị cáo không có choàng hụi, còn 15 phần hụi sống với số tiền thực đóng 72.600.000 đồng.

* Đối với 10 dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai hụi 01 lần (01 kỳ):

Ngày 10/5/2017 âm lịch (dương lịch ngày 04/6/2017) bị cáo Loan C mở 02 dây hụi gồm:

7. Dây số 01: Bị cáo Loan C quy định 16 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “mợ mười Trắng” còn lại 15 phần của 12 người tham gia, đến khi vỡ hụi đã được 14 kỳ khai hụi. Bị cáo Loan C gian dối hốt 04 phần chiếm đoạt tổng số tiền 133.000.000 đồng, trong đó: hốt 01 phần tên không được số tiền 60.000.000 đồng choàng phần tên không số tiền 50.000.000 đồng chiếm đoạt số

tiền 10.000.000 đồng và tự ý lấy tên hội viên hót 03 phần của “con chị Chi, anh Cư, chín Ngọt” được số tiền 206.000.000 đồng choàng các phần tự ý lấy tên hội viên hót số tiền 11.700.000 đồng và trả cho hội viên 01 phần số tiền 71.300.000 đồng còn chiếm đoạt số tiền 123.000.000 đồng. Hội viên tham gia hót 10 phần còn 04 phần hội sống với số tiền thực đóng 246.200.000 đồng.

8. Dây số 02: Bị cáo Loan C quy định 16 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “mợ mười Trắng” còn lại 15 phần của 12 người tham gia, đến khi vỡ hội đã được 14 kỳ khai hội. Bị cáo Loan C gian dối hót 04 phần chiếm đoạt tổng số tiền 194.130.000 đồng, trong đó: hót 01 phần tên không được số tiền 56.000.000 đồng choàng phần tên không số tiền 45.000.000 đồng chiếm đoạt số tiền 11.000.000 đồng và tự ý lấy tên hội viên hót 03 phần của “anh Cư, Lanh, Vinh” được số tiền 191.200.000 đồng choàng các phần tự ý lấy tên hội viên hót số tiền 8.070.000 đồng chiếm đoạt số tiền 183.130.000 đồng. Hội viên tham gia hót 10 phần còn 05 phần hội sống với số tiền thực đóng 308.700.000 đồng.

Ngày 25/8/2017 âm lịch (dương lịch ngày 14/10/2017) bị cáo Loan C mở 02 dây hội gồm:

9. Dây số 01: Bị cáo Loan C quy định 19 phần, trong đó bị cáo kê tên không 02 phần “mợ mười Trắng” còn lại 17 phần của 15 người tham gia, đến khi vỡ hội đã được 09 kỳ khai hội. Hai phần tên không bị cáo Loan C chưa hót mà tự ý lấy tên hội viên hót 03 phần của “chị Chín thức ăn, chị Chi, Quyển rầy” được số tiền 223.300.000 đồng choàng các phần tự ý lấy tên hội viên hót số tiền 7.300.000 đồng và choàng 02 phần tên không số tiền 51.000.000 đồng chiếm đoạt số tiền 165.000.000 đồng. Hội viên tham gia hót 06 phần còn 11 phần hội sống với số tiền thực đóng 421.850.000 đồng.

10. Dây số 02: Bị cáo Loan C quy định 19 phần, trong đó bị cáo kê tên không 02 phần “chị Chín thức ăn, mợ mười Trắng” còn lại 17 phần của 16 người tham gia, đến khi vỡ hội đã được 09 kỳ khai hội. Bị cáo Loan C gian dối hót 05 phần chiếm đoạt tổng số tiền 326.500.000 đồng, trong đó: hót 02 phần tên không được số tiền 143.200.000 đồng choàng 02 phần tên không số tiền 37.650.000 đồng chiếm đoạt số tiền 105.550.000 đồng và tự ý lấy tên hội viên hót 03 phần của “thím tư Tấn, chị Chín thức ăn, chị Chi” được số tiền 225.150.000 đồng choàng các phần tự ý lấy tên hội viên hót số tiền 4.200.000 đồng chiếm đoạt số tiền 220.950.000 đồng. Hội viên tham gia hót 04 phần còn 13 phần hội sống với số tiền thực đóng 498.550.000đ.

11. Dây số 03: Bị cáo Loan C quy định 19 phần, trong đó bị cáo kê tên không 02 phần “mợ mười Trắng” còn lại 17 phần của 16 người tham gia, đến khi vỡ hội đã được 09 kỳ khai hội. Bị cáo Loan C gian dối hót 04 phần chiếm đoạt tổng số tiền 236.350.000 đồng, trong đó: hót 01 phần tên không được số tiền 64.000.000 đồng choàng 02 phần tên không số tiền 37.200.000 đồng chiếm đoạt số tiền 26.800.000 đồng và tự ý lấy tên hội viên hót 03 phần của “chị Chín thức ăn, Quyển rầy, chị Chi” được số tiền 212.700.000 đồng choàng các phần tự ý lấy tên hội viên hót số tiền 3.150.000 đồng chiếm đoạt số tiền 209.550.000 đồng. Hội

viên tham gia hốt 05 phần còn 12 phần hui sống với số tiền thực đóng 463.200.000 đồng.

Ngày 20/11/2017 âm lịch (dương lịch ngày 06/01/2018) bị cáo Loan C mở 02 dây hui gồm:

12. Dây số 01: Bị cáo Loan C quy định 17 phần có 17 người tham gia, bị cáo không có kê tên không vào dây hui, đến khi vỡ hui đã được 06 kỳ khai hui. Bị cáo Loan C tự ý lấy tên hui viên hốt 04 phần của “dì năm Đèo, chú Bình, Quyền rầy, mợ năm Lạc” được số tiền 295.650.000 đồng choàng các phần tự ý lấy tên hui viên hốt số tiền 1.400.000 đồng chiếm đoạt số tiền 294.250.000 đồng. Hui viên tham gia hốt 02 phần còn 15 phần hui sống với số tiền thực đóng 381.750.000 đồng.

13. Dây số 02: Bị cáo Loan C quy định 17 phần trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “cô Phượng nước” còn lại 16 phần của 16 người tham gia, đến khi vỡ hui đã được 06 kỳ khai hui. Bị cáo hốt 01 phần tên không được số 60.000.000 đồng choàng phần tên không số tiền 20.000.000 đồng chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng, hui viên tham gia hốt 05 phần còn 11 phần hui sống với số tiền thực đóng 274.780.000 đồng.

14. Ngày 10/01/2018 âm lịch (dương lịch ngày 25/02/2018) bị cáo Loan C mở 01 dây hui và quy định 21 phần, bị cáo kê tên không 01 phần “mợ mười Trắng” còn 20 phần của 18 người tham gia, đến khi vỡ hui đã được 05 kỳ khai hui. Bị cáo gian dối hốt 04 phần chiếm đoạt tổng số tiền 315.150.000 đồng, trong đó: hốt 01 phần tên không được số tiền 80.000.000 đồng choàng phần tên không số tiền 5.000.000 đồng chiếm đoạt số tiền 75.000.000 đồng và tự ý lấy tên hui viên hốt 03 phần của “em Hoàng, chị Hoàng, Phượng lớn” được số tiền 240.150.000 đồng rồi chiếm đoạt hết. Hui viên tham gia hốt 02 phần còn 19 phần hui sống với số tiền thực đóng 374.300.000 đồng.

Ngày 06/3/2018 âm lịch (dương lịch ngày 24/4/2018) bị cáo Loan C mở 02 dây hui gồm:

15. Dây số 01: Bị cáo Loan C quy định 19 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “mợ mười Trắng” còn lại 18 phần của 16 người tham gia, đến khi vỡ hui đã được 03 kỳ khai hui. Bị cáo Loan C gian dối hốt 02 phần chiếm đoạt tổng số tiền 134.300.000 đồng, trong đó: hốt 01 phần tên không được số tiền 68.000.000 đồng rồi chiếm đoạt hết và tự ý lấy tên hui viên hốt 01 phần của “dì năm Đèo” được số tiền 66.300.000 đồng rồi chiếm đoạt hết. Bị cáo hốt 01 phần tham gia thật, hui viên không hốt hui còn 17 phần hui sống với số tiền thực đóng 202.300.000 đồng.

16. Dây số 02: Bị cáo Loan C quy định 19 phần, trong đó bị cáo kê tên không 01 phần “chị Chín thức ăn” còn lại 18 phần của 16 người tham gia, đến khi vỡ hui đã được 03 kỳ khai hui. Bị cáo Loan C hốt 01 phần tên không được số tiền 64.000.000 đồng choàng phần tên không số tiền 5.000.000 đồng chiếm đoạt số tiền 59.000.000 đồng. Bị cáo hốt 01 phần tham gia thật và hui viên hốt 01 phần còn 16 phần hui sống với số tiền thực đóng 177.750.000 đồng.

* Đối với hành vi bánhui khống của bị cáo Trần Thị Loan C:

Ngoài hành vi gian dối kê tên khống vào dâyhui và tự ý lấy các phầnhui của hui viên để hót hui chiếm đoạt tiền, bị cáo Loan C còn đưa ra thông tin gian dối là có hui viên kêu bánhui, khi mua hui sẽ nhận tiền lời ở các kỳ khai hui tiếp theo rồi được hót hui nên các bị hại tin và mua các phầnhui đó, sau khi nhận tiền mua 02 phầnhui 2.000.000 đồng và 04 phầnhui 5.000.000 đồng của 03 bị hại rồi bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền 243.170.000 đồng, cụ thể:

1. Bà Ngô Thị Bạch L, sinh năm 1970, nơi cư trú khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh T tin tưởng thông tin bị cáo Loan C đưa ra là thật nên đưa cho bị cáo số tiền 49.200.000 đồng để mua 02 phầnhui 2.000.000 đồng của dây số 01 và số 02 mở cùng ngày 10/8/2017 âm lịch (dương lịch ngày 29/9/2017), sau khi nhận tiền bị cáo có trả tiền phát sinh lời cho bà L đến khi vỡ hui với số tiền 4.630.000 đồng, còn lại số tiền 44.570.000 đồng bị cáo chiếm đoạt.

2. Bà Võ Thị Hồng S, sinh năm 1958, nơi cư trú khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh T tin tưởng thông tin bị cáo Loan C đưa ra là thật nên đưa cho bị cáo số tiền 147.000.000 đồng để mua 02 phầnhui 5.000.000 đồng của dây số 01 và số 03 mở ngày 25/8/2017 âm lịch (dương lịch ngày 14/10/2017), sau khi nhận tiền bị cáo có trả tiền phát sinh lời cho bà S đến khi vỡ hui với số tiền 11.050.000 đồng, còn lại số tiền 135.950.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt.

3. Bà Phạm Thị Bích Th, sinh năm 1973, nơi cư trú khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh T tin tưởng thông tin bị cáo Loan C đưa ra là thật nên đưa cho bị cáo số tiền 147.000.000 đồng để mua 02 phầnhui 5.000.000đ của dâyhui số 01 và số 02 mở ngày 25/8/2017 âm lịch (dương lịch ngày 14/10/2017) sau đó bà Th hót 01 phần số tiền 77.000.000 đồng và bị cáo trả tiền phát sinh lời cho bà Th đến khi vỡ hui với số tiền 7.350.000 đồng, còn lại số tiền 62.650.000 đồng bị cáo chiếm đoạt.

Như vậy, bị cáo Trần Thị Loan C có thủ đoạn gian dối là: bị cáo kê tên khống 18 phầnhui rồi hót 13 phần chiếm đoạt số tiền 394.870.000 đồng; tự ý lấy tên của hui viên hót 32 phầnhui chiếm đoạt số tiền 1.781.290.000 đồng và bánhui khống 06 phần chiếm đoạt số tiền 243.170.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 2.419.330.000đ (hai tỷ bốn trăm mười chín triệu ba trăm ba chục ngàn đồng) trong 16 dâyhui chưa kết thúc. Bị cáo Loan C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tổng số tiền chiếm đoạt 2.419.330.000 đồng bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, trả tiền lãi cho các khoản vay hết số tiền trên, đến ngày 03/6/2018 bị cáo không còn khả năng trả tiền cho hui viên nên tuyên bố vỡ hui.

Quá trình điều tra thì Cơ quan điều tra thu giữ các tài liệu, chứng cứ gồm: Sổ hui, danh sách hui viên do bị cáo Trần Thị Loan C giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra được lưu theo hồ sơ vụ án.

Về tài sản của bị cáo Trần Thị Loan C: Bị cáo đã tự nguyện giao nộp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để khắc phục hậu quả cho hành vi phạm tội cụ thể như sau: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L306316, thửa số 745A, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.130m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Mỹ Cẩm,

huyện C, tỉnh T do hộ Nguyễn Văn T (chồng bị cáo Loan C) sinh năm 1976, nơi cư trú ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T đứng tên; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P178311, thửa số 746, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.640m², loại đất trồng lúa tọa lạc tại xã Mỹ Cẩm, huyện C, tỉnh T do hộ Nguyễn Văn T (chồng bị cáo Loan C) sinh năm 1976, nơi cư trú ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T đứng tên; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P136629, thửa số 746A, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.550m², loại đất trồng lúa tọa lạc tại xã Mỹ Cẩm, huyện C, tỉnh T do hộ Phan Thị R sinh năm 1947, nơi cư trú ấp Số 3, xã Mỹ Cẩm huyện C, tỉnh T đứng tên (thửa đất trên bị cáo Loan C và gia đình đổi đất với hộ bà R để liên canh sử dụng nhưng đến nay chưa làm thủ tục sang tên chuyển nhượng); 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H743669, thửa số 745, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.970m², loại đất trồng lúa tọa lạc tại xã Mỹ Cẩm, huyện C, tỉnh T do hộ Phan Thị Th sinh năm 1956, nơi cư trú ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T đứng tên (thửa đất trên bị cáo Loan C và gia đình đổi đất với hộ bà Th để liên canh sử dụng nhưng đến nay chưa làm thủ tục sang tên chuyển nhượng).

Tại bản cáo trạng số:36/CT-VKS-P1 ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố Trần Thị Loan C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, khung hình phạt tù từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Thị Loan C thống nhất với nội dung bản cáo trạng số: 36/CT-VKS-P1 ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và khai nhận từ năm 2003 bị cáo bắt đầu trực tiếp đứng ra làm chủ hội (đầu thảo hội), nhưng do các hội viên đã hốt hội không đóng hội chết nên bị cáo phải vay tiền bên ngoài để choàng hội và tiêu xài cá nhân nên bị cáo bị mất cân đối trong việc thanh toán tiền nợ vay từ đó bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng cách lập ra các dây hội kê tên không vào các dây hội để hốt, tự ý lấy tên của các hội viên để hốt mà họ không biết, bán các phần hội không nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên. Đến ngày 03/6/2018 bị cáo tuyên bố vỡ hội. Bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt của 81 bị hại với tổng số tiền 2.419.330.000 đồng như kết quả của cơ quan điều tra.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý trả cho các bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Về tài sản: Ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị M và cũng như anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng có lời khai tất cả đồng ý giao cho cơ quan tiến hành tố tụng kê biên 2 thửa đất gồm thửa: 475, diện tích 1.970m², loại đất lúa kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Phan Thị Th đứng tên và thửa 746A diện tích 1.550m² loại đất lúa do chị Phan Thị R đứng tên để khắc phục hậu quả cho các bị hại. Riêng đối với 02 thửa đất số 745A diện tích 1.130m² và thửa 746, diện tích 1.640m² do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên thì ông Tr, chị M và anh N không đồng ý nộp để khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay đã thể hiện trước khi mở 16 dây hội đã mất cân đối

nên có ý định mở 16 dây hui là nhằm mục đích đưa hui khổng vào các dây hui, lấy tên hui viên thật hót, bán hui khổng để chiếm đoạt tiền của các hui viên trả nợ và tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo thực hiện hành vi nêu trên để chiếm đoạt và hậu quả đã xảy ra đến ngày tuyên bố vỡ hui bị cáo chiếm đoạt số tiền của 81 hui viên số tiền 2.419.330.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, r,s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Loan C từ 10 năm đến 11 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 21/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại. Buộc bị cáo bồi thường cho 70 bị hại số tiền bị cáo chiếm đoạt 2.257.450.770 đồng.

Đối với 11 bị hại gồm Bà Bùi Thị L, Ông Dương Tấn T, bà La Mỹ Phương, ông Lê Huy Hùng, chị Lê Thị Kim Xuyên, bà Lê Thị Liên, bà Nguyễn Thị Đào, Bà Nguyễn Thị L1, ông Phan Văn Chảnh, bà Võ Thùy Dung và Bà Phạm Thị H1 có đơn yêu xét xử vắng mặt trong đơn có nêu rõ không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị chiếm đoạt nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả sẽ tiếp tục giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị cáo tự nguyện nộp đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cho Cục Thi hành án dân sự tạm quản lý để đảm bảo thi hành án phân trách nhiệm dân sự cho các bị hại.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Loan C cho rằng: Trước khi mở 16 dây hui thì bị cáo đã có ý định mở để thực hiện hành vi đưa hui khổng vào các dây hui, lấy tên hui viên thật hót, bán hui khổng nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của các hui viên, hành vi của bị cáo đã thực hiện và thỏa mãn cả về gian dối và chiếm đoạt. Vị hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản Cáo trạng số 36/CT-VKS-P1 ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Trần Thị Loan C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long tự thú; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chủ động tác động gia đình nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh để khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền là 10.000.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự;

bị cáo có ông ngoại là ông Trần Văn Ba được Nhà nước công nhận là liệt sĩ, con của bị cáo là Nguyễn Văn Ninh từng tham gia nghĩa vụ quân sự và các bị hại hầu hết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có hơn hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tại phiên tòa hôm nay Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự với mức hình phạt đối với bị cáo từ 10 đến 11 năm tù, xét thấy rằng đề nghị này của Vị kiểm sát viên là có phần hơi nặng đối với bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức đề nghị của Vị kiểm sát viên.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại, buộc bị cáo trả cho các bị hại có yêu cầu số tiền mà bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo, các bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Thị Loan C: Bị cáo xin lỗi các bị hại trong vụ án và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về sum họp với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 36/CT-VKS-P1 ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Bị cáo thừa nhận do bị cáo bị mất cân đối trong việc thanh toán tiền nợ vay, tiêu xài cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng cách mở các dây hội mới, kê tên không vào các dây hội để hốt, bán hội không và tự ý lấy tên của các hội viên tham gia thật để hốt hội nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên. Đến ngày 03/6/2018, bị cáo tuyên bố vỡ hội, số tiền bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt của các bị hại là 2.419.330.000 đồng. Lời khai xác nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là nhất quán, không thay đổi, phù hợp với lời khai của các bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh thu thập được. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Trần Thị Loan C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về khung hình phạt và tội danh.

[2] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự.

Với tuổi đời của bị cáo, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền để trả các khoản nợ vay, choàng các phần hội của các dây hội trước đó và tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng việc mình làm đầu thảo hội và các hội viên tham gia chơi hội tin tưởng vào bị cáo, ít đi khai hội nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối kê tên không tham gia nhiều dây hội và tự ý lấy tên của các hội viên tham gia thật (các hội viên không biết) để hốt hội nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và thực hiện tội phạm nhiều lần trong một khoảng thời gian dài, đối với nhiều người, số tiền chiếm đoạt lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây phần nộ trong quần chúng nhân dân.

[3] Tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức lợi dụng việc tham gia hội để chiếm đoạt vốn trong những năm gần đây tại huyện Càng Long thời gian qua liên tục tăng và mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, số tiền chiếm đoạt ngày càng lớn, để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo để xem xét toàn diện, khách quan khi quyết định hình phạt đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng: bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần thực hiện đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự là phạm tội nhiều lần; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã tự nguyện đến Cơ quan điều tra tự thú khi hành vi của bị cáo khi chưa bị phát hiện; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình nộp khắc phục một phần nhỏ hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có ông ngoại là ông Trần Văn Ba được Nhà nước công nhận là liệt sĩ và có con là Nguyễn Văn Ninh có thời gian tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự và tại phiên tòa nhiều bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự

[4] Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho 70 bị hại có yêu cầu số tiền 2.257.457.770 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt

Đối với 11 bị hại gồm Bà Bùi Thị L, Ông Dương Tấn T, bà La Mỹ Ph, ông Lê Huy H, chị Lê Thị Kim X, bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị Đ, Bà Nguyễn Thị L1, ông Phan Văn Ch, bà Võ Thùy D và Bà Phạm Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt nêu rõ có không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị chiếm đoạt tổng số tiền 161.872.230 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

Đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả tại biên lai thu tiền số 000524 ngày 29/10/2019 do Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh thu sẽ tiếp tục giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với hai thửa đất số 745 diện tích 1.970m² loại đất lúa kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh trang 4 do chị Phan Thị Th đứng tên, qua làm việc với chị Th thì chị Th đã chuyển nhượng cho vợ chồng bị cáo Loan C nên chị Th không có yêu cầu gì về thửa đất trên; Thửa đất 746A diện tích 1.550m² loại đất lúa kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Phan Thị R đứng tên, qua làm việc với chị R thì chị R đã cho đất cho vợ chồng bị cáo Loan C nên chị R không có yêu cầu gì về thửa đất trên. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo, ông Tr, chị M tự nguyện giao nộp hai thửa đất trên cho Tòa án để khắc phục hậu quả, tuy anh Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện anh N cũng tự nguyện nộp hai thửa đất trên để khắc phục cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này và đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiến hành kê biên hai thửa đất nêu trên theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án về phần dân sự cho bị cáo Loan C.

Riêng 2 thửa đất số 745A và thửa 746 là quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, vì vậy hai quyền sử dụng đất trên đề nghị cơ quan Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án đối với tài sản của bị cáo trong khối tài sản chung hợp nhất của hộ gia đình trong hai thửa đất nêu trên và được xem xét theo quy định của Luật Thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[5]Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và người bào chữa có phần phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Loan C phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Loan C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Loan C11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và 70 bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho 70 bị hại tổng số tiền 2.257.457.770 đồng cụ thể gồm:

1. Bà Bành Thị Nh số tiền 16.586.842 đồng
2. Bùi Thị Hồng A số tiền 7.203.846 đồng
3. Bà Bùi Thị Hồng T số tiền 44.732.051 đồng
4. Chị Bùi Thị Ph số tiền 16.586.842 đồng
5. Bà Bùi Thị S số tiền 7.203.846 đồng
6. Bà Châu Thị Ngọc B số tiền 24.486.742 đồng
7. Bà Đặng Thị Kim L số tiền 1.422.222 đồng
8. Bà Định Thị Hà M số tiền 59.811.218 đồng
9. Chị Đỗ Ngọc V số tiền 79.569.381 đồng
10. Chị Đỗ Thị Ngọc Th số tiền 31.153.030 đồng
11. Chị Đoàn Thị Nh số tiền 6.519.231 đồng
12. Bà Đoàn Thị Th số tiền 19.616.667 đồng
13. Bà Đoàn Thị T số tiền 1.569.231 đồng
14. Bà Dương Thị Thu H số tiền 3.636.364 đồng
15. Bà Hồ Phi H số tiền 16.586.842 đồng
16. Ông Huỳnh Quốc Kh số tiền 79.427.885 đồng
17. Bà Huỳnh Thị H số tiền 59.811.218 đồng
18. Bà Huỳnh Thị M số tiền 1.422.222 đồng
19. Bà Huỳnh Thị M1 số tiền 74.583.479 đồng
20. Chị Huỳnh Thúy D số tiền 9.812.981 đồng
21. Chị Lâm Thị Mỹ H số tiền 19.616.667 đồng
22. Bà Lê Ngọc Ph số tiền 8.243.750 đồng
23. Bà Lê Thị C số tiền 2.180.000 đồng
24. Bà Lê Thị D số tiền 8.243.750 đồng
25. Bà Lê Thị L số tiền 19.695.833 đồng
26. Bà Lê Thị Ng số tiền 297.360.866 đồng

27. Bà Lê Thị T số tiền 15.103.846 đồng
28. Bà Lê Thị V số tiền 103.526.000 đồng
29. Bà Lý Thanh H số tiền 26.537.607 đồng
30. Chị Mạch Thị Mỹ H số tiền 18.156.073 đồng
31. Bà Ngô Thị Bạch L số tiền 216.700.556 đồng
32. Chị Ngô Thị K số tiền 3.636.364 đồng
33. Ông Nguyễn Thành C số tiền 123.749.206 đồng
34. Bà Nguyễn Thanh Tr số tiền 16.586.842 đồng
35. Bà Nguyễn Thị Đ số tiền 59.811.218 đồng
36. Bà Nguyễn Thị D số tiền 7.900.000 đồng
37. Bà Nguyễn Thị H số tiền 23.253.000 đồng
38. Bà Nguyễn Thị Hi số tiền 11.833.333 đồng
39. Bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 19.616.667 đồng
40. Bà Nguyễn Thị H số tiền 13.193.750 đồng
41. Bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 16.586.842 đồng
42. Bà Nguyễn Thị Kim Nh số tiền 7.130.000 đồng
43. Bà Nguyễn Thị L số tiền 18.766.842 đồng
44. Bà Nguyễn Thị Nh1 số tiền 13.723.077 đồng
45. Bà Nguyễn Thị Ph số tiền 7.203.846 đồng
46. Bà Nguyễn Thị Tr số tiền 3.300.000 đồng
47. Bà Phạm Thị Bích Th số tiền 74.803.846 đồng
48. Bà Phạm Thị Bích Tr số tiền 7.900.000 đồng
49. Bà Phạm Thị M số tiền 3.636.364 đồng
50. Chị Phan Thị Thúy H1 số tiền 45.083.333 đồng
51. Chị Phùng Thị Huỳnh L số tiền 2.180.000 đồng
52. Bà Quách Ngọc A số tiền 13.723.077 đồng
53. Bà Quách Thị L1 số tiền 15.000.000 đồng
54. Bà Trần Thị A số tiền 18.009.064 đồng
55. Bà Trần Thị B1 số tiền 36.948.718 đồng
56. Bà Trần Thị Bé B2 số tiền 6.372.222 đồng
57. Chị Trần Thị B3 số tiền 25.470.175 đồng
58. Bà Trần Thị Cẩm L số tiền 58.442.667 đồng
59. Bà Trần Thị H số tiền 11.536.364 đồng
60. Bà Trần Thị Mỹ H1 số tiền 7.203.846 đồng
61. Anh Trần Văn Bé H2 số tiền 4.950.000 đồng
62. Bà Triệu Thị Mỹ Ph số tiền 1.569.231 đồng

63. Bà Trương Thị M số tiền 3.933.333 đồng
64. Bà Trương Thị Thu S số tiền 8.626.068 đồng
65. Ông Võ Ngọc M số tiền 59.811.218 đồng
66. Bà Võ Thị Hồng S số tiền 150.950.000 đồng
67. Chị Võ Thị Hồng Ti số tiền 3.933.333 đồng
68. Bà Võ Thị L số tiền 37.107.018 đồng
69. Bà Võ Thị T số tiền 8.243.750 đồng
70. Ông Võ Văn N số tiền 8.626.068 đồng

Đối với 11 bị hại gồm Bà Bùi Thị L, Ông Dương Tấn T, bà La Mỹ Ph, ông Lê Huy H, chị Lê Thị Kim X, bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị Đ, Bà Nguyễn Thị L1, ông Phan Văn Ch, bà Võ Thùy D và Bà Phạm Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt nêu rõ có không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị chiếm đoạt nên không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

Giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả tại biên lai thu tiền số 000524 ngày 29/10/2019 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiến hành kê biên hai thửa đất gồm: thửa số 745 diện tích 1.970m² loại đất lúa kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh trang 4 do chị Phan Thị Th đứng tên và thửa đất 746A diện tích 1.550m² loại đất lúa kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Phan Thị R đứng tên để đảm bảo thi hành án phần dân sự cho bị cáo Loan C.

Đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý 02 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 745A và thửa 746 do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên để đảm bảo thi hành án đối với phần tài sản của bị cáo trong khối tài sản chung hợp nhất của hộ gia đình trong hai thửa đất nêu trên theo quy định của Luật Thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Trần Thị Loan C phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 77.149.155 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo chọi cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh T;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh T;
- TTG - CA tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- CA huyện C;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Nguyễn Văn Thành